CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số: 04/NQ.HĐQT-UDEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
DN: C=VN, S=BÀ RỊA-VŨNG TÀU, L=Tp. Vũng Tàu, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500101308
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024-04-24 20:54:10
Foxit Reader Version: 9.2

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 26 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 18/3/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua nội dung Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỷ lệ biểu quyết: 04/04

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

***Nơi nhận*:**
-Như điều 3;
-Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3500101308 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BR-VT
T.P. VŨNG TÀU T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Trần Thái Hòa

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 3

1. Phạm vi điều chỉnh 3
2. Đối tượng áp dụng 3

Điều 2. Tài liệu tham khảo 3

Điều 3. Các chữ viết tắt 3

Điều 4. Giải thích từ ngữ 4

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin 5

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin 6

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 7

Điều 7. Lưu đồ thực hiện 7

Điều 8. Công bố thông tin 9

1. Nội dung CBTT cụ thể: 9
2. Các mẫu biểu thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 5. 9

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 9

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan 9

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin 9

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm 9

Điều 12. Triển khai thực hiện 10

PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ 11

PHỤ LỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG 14

PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 17

PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC 19

PHỤ LỤC 5: CÁC MẪU BIỂU 21

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người công bố thông tin.
b) Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của người nội bộ;
c) Trưởng các đơn vị/Phòng/Ban có liên quan;
d) Cổ đông lớn;
e) Nhà đầu tư, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
f) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Thông báo số 1315/UBCK-GSĐC ngày 01/3/2024 về việc triển khai hệ thống công bố thông tin một đầu mối;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSDC : Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. ***Người nội bộ của Công ty*:**

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

b. Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin;

c. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng;

e. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

f. Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty.

2. ***Người có liên quan*** [1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

---

[1] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

3. ***Người công bố thông tin*** là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

4. ***Ngày công bố thông tin*** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

5. ***Ngày báo cáo về việc công bố thông tin*** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. ***Đối với tài liệu dưới dạng văn bản***: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

7. ***Bản scan văn bản dùng CBTT*** phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

8. ***Dữ liệu điện tử dùng CBTT*** là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

9. ***Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài

khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử,v.v…

(*) Lưu ý:

- *Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ .*
- *Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.*
- *Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.*
- *Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;*
- *Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.*

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này

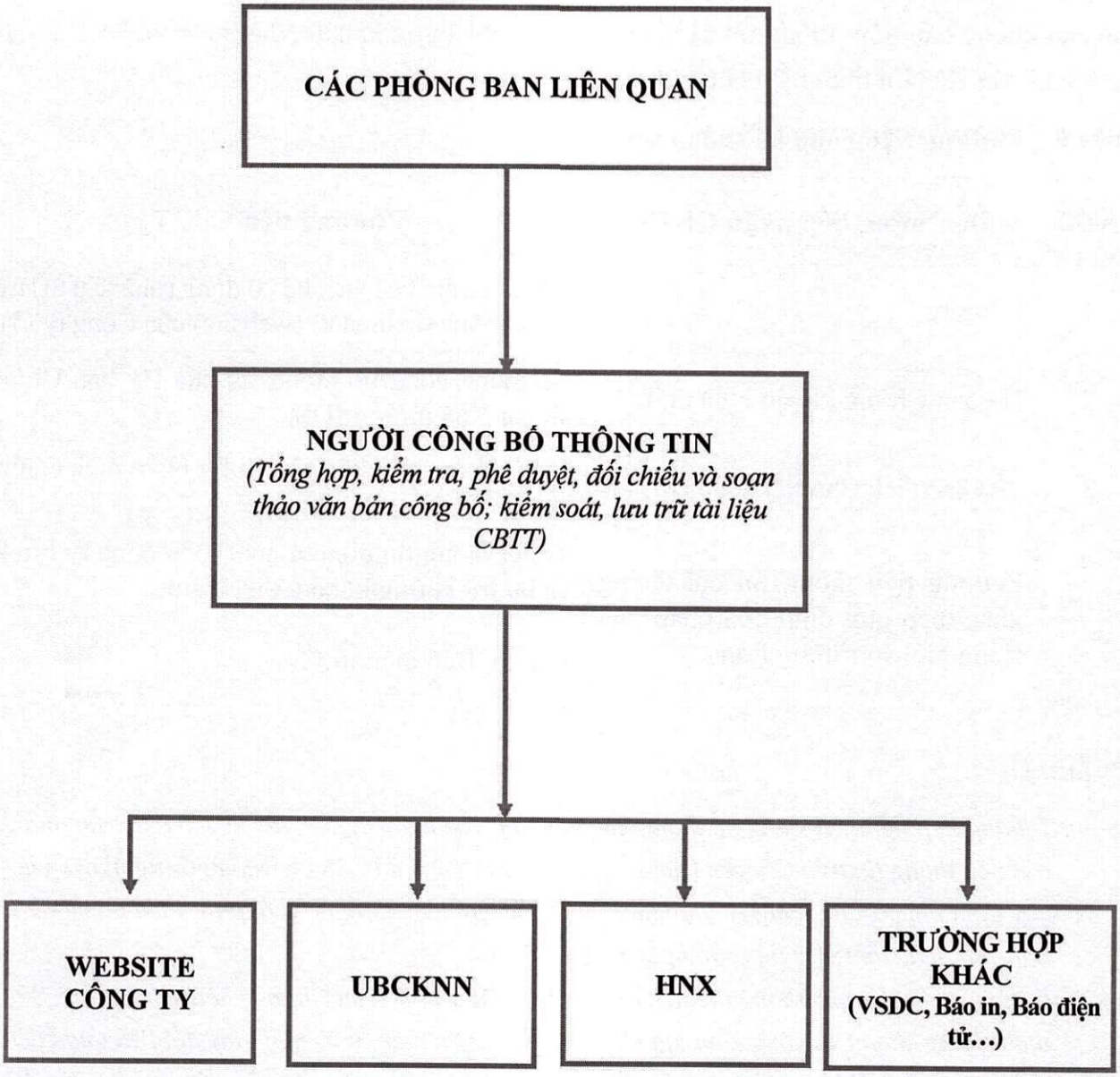

2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)

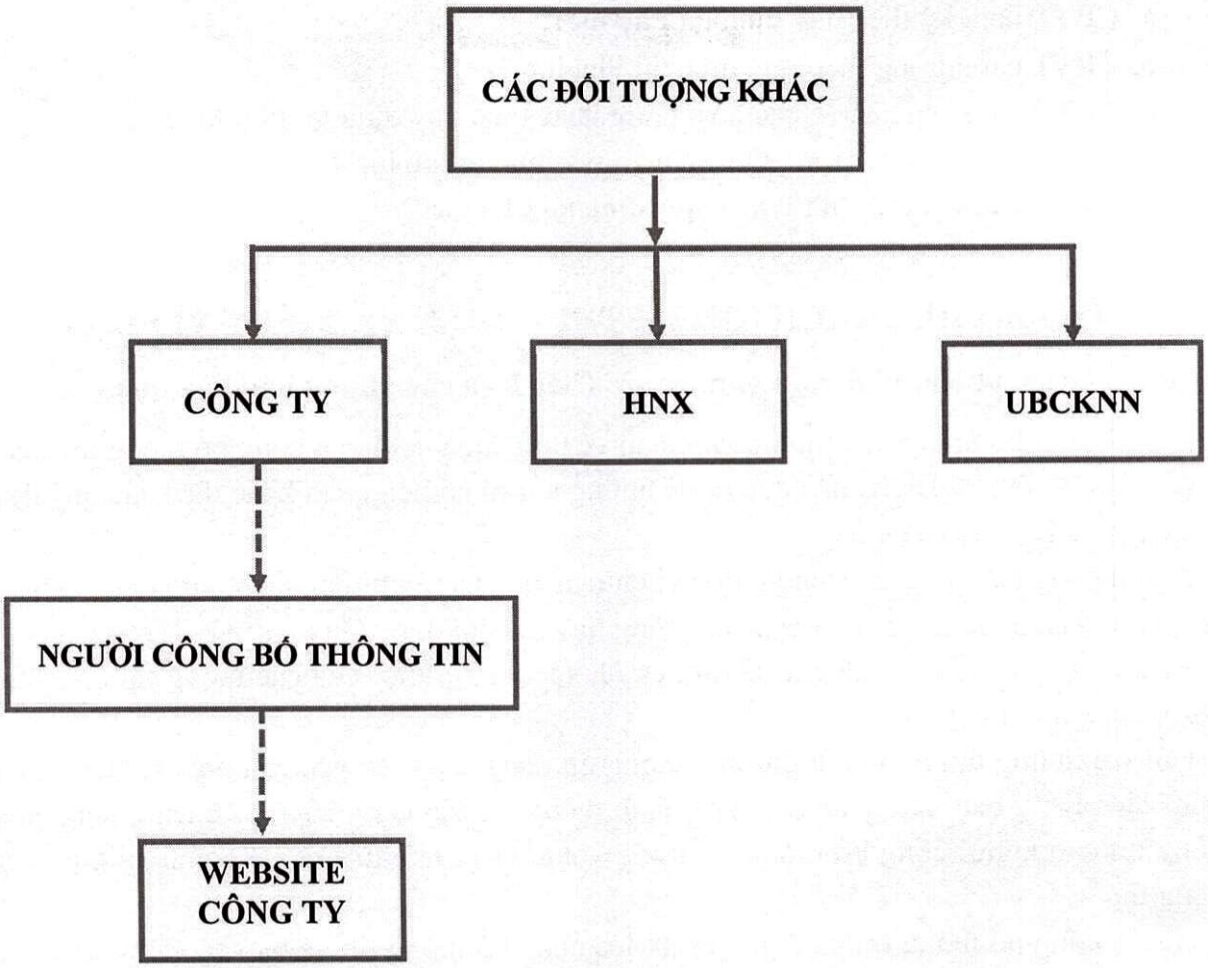

Ghi chú: ⟶ : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

⇢ : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) *Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.*

Điều 8. Công bố thông tin

1. Nội dung CBTT cụ thể:

a. CBTT định kỳ theo quy định tại Phụ lục1;

b. CBTT bất thường theo quy định tại Phụ lục 2;

c. CBTT theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định tại Phụ lục 3;

d. CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục 4.

2. Các mẫu biểu thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 5.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3500101308 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BR-VT
T.P. VŨNG TÀU T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Trần Thái Hòa

PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
I.	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**			
1	Báo cáo tài chính Quý hoặc Báo cáo tài chính soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố BCTC được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soat xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	- Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ: Các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. - Báo cáo tài chính công bố bao gồm: báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp
2	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		
3	Báo cáo tài chính Năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		
Khi công bố Báo cáo tài chính, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.			
II	**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
III	**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**			
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		
3	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6.	Chậm nhất là ngày 30/07	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Theo mẫu quy định tại Sở Giao dịch Chứng khoán công ty niêm yết.
4	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng cuối năm và được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12	Chậm nhất là ngày 30/01		
IV	**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**			
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ		
3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ		

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
V	**LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**			
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.		
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông		

PHỤ LỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

1. Thông tin được công bố tại:

- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán;

- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

2. Thông tin dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Khi công bố thông tin về các sự kiện dưới đây, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có):

STT	NỘI DUNG CBTT	GHI CHÚ
1	Giải trình Báo cáo tài chính của Công ty	
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	

STT	NỘI DUNG CBTT	GHI CHÚ
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	

STT	NỘI DUNG CBTT	GHI CHÚ
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất)	Thông tư 96
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	
22	Các trường hợp khác được quy định tại **Thông tư số 96/2020/TT-BTC**	

PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

I. Công bố thông tin theo yêu cầu:

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.			

II. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
1	Công bố thông tin BCTC khi công ty thay đổi kỳ kế toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty.	BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
2	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		
3	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	-Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
			- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.	
4	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu			
4.1	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ điểm 4.2 dưới đây)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.	
4.2	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến		

PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

I. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty:

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
1	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo khi trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu. - Quy định 1, 2, 3 theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
2	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty		
3	Cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty công bố thông tin và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên		

II. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	NƠI CBTT/ ĐĂNG TẢI	GHI CHÚ
1	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
2	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch hoặc hết thời hạn dự kiến giao dịch (30 ngày). Trường hợp hết thời hạn dự kiến giao dịch nhưng chưa giao dịch hết khối lượng đăng ký thì người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ phải giải trình nguyên nhân.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch		

PHỤ LỤC 5: CÁC MẪU BIỂU

STT	NỘI DUNG	BIỂU MẪU
1.	Báo cáo thường niên *(Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm *(Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc V - TT96 - BCQT
3.	Thay đổi người nội bộ *(Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc I - Thay doi NNB
4.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ *(Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc III - TT96 - BCCTT
5.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc II - Thay doi NCLQ cua NNB
6.	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc III - Thay doi Giay CNDKDN
7.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính *(Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc IV - TB dang ky, thay doi m
8.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *(Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc V - TB thay doi SLCP dang luu h
9.	Công bố thông tin bất thường *(Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc VI - CBTT bat thuong.docx
10.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn *(Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VII - CDL

STT	NỘI DUNG	BIỂU MẪU
11.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *(Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VIII - CDL giao dich vuot nguc
12.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ *(Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc XIII - Thong bao GD NNB
13.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phụ lục XV - Bao cao GD NNB
14.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu *(Mẫu 07/THQ - Quyết định 09 /QĐ-HĐTV ban hành ngày 10 tháng 08 năm 2021)*	Mau 07-THQ.doc
15.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán *(Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*	Bao cao tien do su dung von